TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 15 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông D1ơng Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973; địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Mai Văn D**,** sinh năm 1972; (vắng mặt)
Bà Mai Thị D1, sinh Năm 1981; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2022 của nguyên đơn ông Trần Đại H, biên

bản ghi lời khai ngày 10/4/2023 cũng như quá trình giải quyết vụ án người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày: Ngày 18/3/2019 ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh M) và ông Mai Văn D, bà Mai Thị D1 có ký hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm thông qua hợp đồng bằng văn bản số 219/2019/HĐMB-HKDTQM ngày 18/3/2019. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019. Theo hợp đồng, ông Hiệp có nghĩa vụ cung cấp các mặt hàng mà mình kinh doanh theo đơn đặt hàng của ông D, bà D1. Đơn giá được thông báo trực tiếp với ông D, bà D1 trên từng mặc hàng theo đơn hàng và được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng Tân Quang Minh. Ông D, bà D1 đến nhận hàng hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng. Sau khi nhận hàng thì kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận sau khi lên tôm thì phải thanh toán dứt điểm tiền nợ. Trường hợp nuôi thất (lỗ vốn) vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp lên tôm không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ hoặc nợ cao ông H có quyền yêu cầu thanh toán một phần để giảm tiền nợ hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông D, bà D1 thanh toán dứt điểm tiền nợ.

Hai bên giao dịch đến ngày 14/9/2019 thì ngưng giao dịch. Trong quá trình giao dịch ông Hiệp đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông D, bà D1. Sau khi nhận hàng ông D, bà D1 không phàn nàn về số lượng, chất lượng, giá bán, chủng loại nhưng khi thu hoạch tôm thì không thực nghĩa vụ thanh toán dứt điểm tiền nợ. Nhiều lần liên hệ ông D, bà D1 không thiện ý thanh toán. Tính đến thời điểm khởi kiện ông D, bà D1 còn nợ lại ông Hiệp số tiền 118.537.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Nay nguyên đơn ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn D, bà Mai Thị D1 liên đới thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho ông Trần Đại Hiệp là 118.537.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D, bà D1 nhưng ông D, bà D1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Hiệp. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông D, bà D1 hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D, bà D1 đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho ông D, bà D1 biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông D, bà

D1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông D, bà D1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng còn vi phạm thời hạn xét xử. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ 118.537.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Mai Văn D, bà Mai Thị D1 đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị M và ông D, bà D1.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 18/3/2019 ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh M) và ông Mai Văn D, bà Mai Thị D1 có ký hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm thông qua hợp đồng bằng văn bản số 219/2019/HĐMB-HKDTQM ngày 18/3/2019. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019 .

Hai bên giao dịch đến ngày 14/9/2019 thì ngưng giao dịch. Trong quá trình giao dịch ông Hiệp đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của ông D, bà D1. Sau khi nhận hàng ông D, bà D1 không phàn nàn về số lượng, chất lượng, giá bán, chủng loại nhưng khi thu hoạch tôm thì không thực nghĩa

vụ thanh toán dứt điểm tiền nợ. Tính đến ngày xét xử hôm nay 15/5/2023 ông D, bà D1 còn nợ lại ông H số tiền 118.537.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn thừa nhận không phản đối, tình tiết nêu trên nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ 118.537.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) cho nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông D và bà D1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 ; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với các bị đơn ông Mai Văn D và bà Mai Thị D1.

Buộc các bị đơn ông Mai Văn D và bà Mai Thị D1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 118.537.000 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông D và bà D1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Mai Văn D và bà Mai Thị D1 phải liên đới cùng chịu án phí là 5.926.850 đồng (năm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.963.425 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006027 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng